

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co dưới đỉnh cũ trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,788.40 điểm, tăng nhẹ gần 4 điểm so với hôm qua. Số mã giảm áp đảo số mã tăng, 12/18 ngành giảm điểm; trụ đỡ cho thị trường trong ngày hôm nay tiếp tục là nhóm cổ phiếu Vin. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Rủi ro tập trung ngày càng tăng khi chỉ số tiếp cận đỉnh cũ. Nhà đầu tư nên cẩn trọng quan sát diễn biến thị trường trong giai đoạn này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.91** điểm, đóng cửa tại **1788.4** điểm. HNX-Index **-2.03** điểm, đóng cửa tại **246.74** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+8.20)**, **VIC (+5.98)**, **GAS (+2.80)**, **VPL (+2.40)**, **VRE (+1.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.26)**, **GEE (-1.22)**, **LPB (-0.82)**, **HPG (-0.73)**, **VCB (-0.72)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,277** tỷ đồng, tăng **30.21%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,971 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.21 điểm. Thị trường có **95** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **223** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-735.15** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-181.46 tỷ)**, **VIX (-160.54 tỷ)**, **FPT (-105.89 tỷ)**, **SHB (-102.64 tỷ)**, **HDB (-95.27 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.30** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.78%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+3.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
DCM (+1.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.43%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+6.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
GAS (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+5.79%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.78%	-0.43%	0.22%	-0.10%
1 tuần	0.42%	-0.24%	1.91%	1.91%
1 tháng	-0.34%	-3.59%	2.70%	2.69%
3 tháng	-0.63%	-6.49%	6.12%	6.23%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,788.40	246.74	120.61
% 1D	0.22%	-0.82%	-0.30%
GTKL (tỷ VND)	24,277	1,635	449
%1D	30.21%	66.49%	-35.36%
GDNN (tỷ VND)	-735.15	-2.30	-9.88

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	135.67	VIC	-181.46
VRE	101.04	VIX	-160.54
GAS	56.19	FPT	-105.89
FUEVFNVD	47.95	SHB	-102.64
PVD	36.06	HDB	-95.27

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,858	0.19%	-1.06%
FTSE100	9,969	0.18%	1.00%
Eurostoxx	5,909	0.87%	3.03%
Shanghai	4,023	1.38%	1.61%
Nikkei	51,833	2.97%	3.02%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

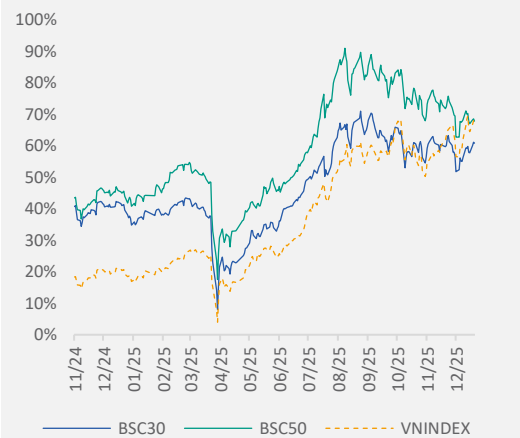
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	60.40	-0.58%
Giá vàng	4,432	2.17%

Tỷ giá		
USD/VND	26,380	0.01%
EUR/VND	31,563	-0.28%
JPY/VND	171	-0.58%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

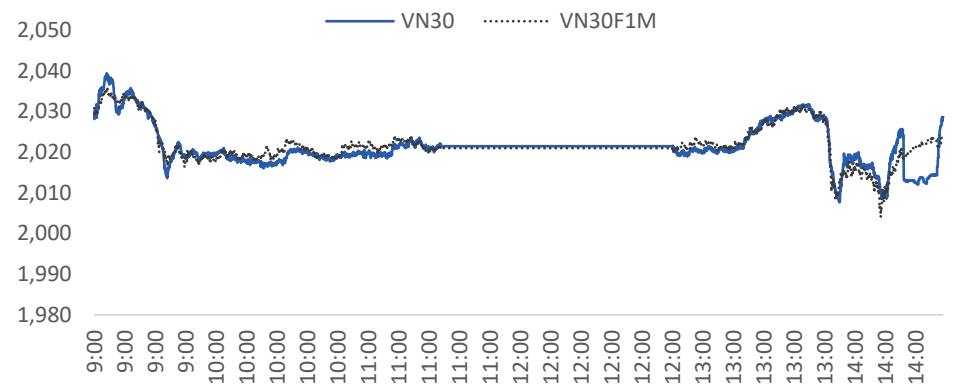
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111G1000	2024.10	-0.24%	229,535	13.2%	15/01/2026	10
4111G6000	2010.60	-0.47%	90	130.8%	18/06/2026	164
4111G1000	2024.10	-0.24%	229,535	13.2%	15/01/2026	10
4111G3000	2014.20	-0.49%	77	-2.53%	19/03/2026	73

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -1.95 điểm, đóng cửa tại 2028.68 điểm. Biên độ dao động 31.79 điểm. Các cổ phiếu như HPG, LPB, VPB, FPT, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 không thể vượt qua mốc tham chiếu. Cổ phiếu đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2529	9/02/2026	35	195,800	36.20%	37.80	200	42.9%	0.00	38.00	27.90	27.90
CHPG2533	24/02/2026	50	85,200	19.27%	29.00	650	41.3%	0.13	30.95	25.95	25.95
CLPB2510	26/05/2026	141	500	42.84%	55.00	950	39.7%	0.22	57.85	40.50	40.50
CVRE2518	4/05/2026	119	62,400	2.58%	29.00	1,880	24.5%	1.90	36.52	35.60	35.60
CVHM2522	25/06/2026	171	253,700	14.15%	117.69	4,210	22.7%	2.80	151.37	132.60	132.60
CVHM2524	18/01/2027	378	81,700	43.38%	147.00	5,390	20.9%	1.95	190.12	132.60	132.60
CVRE2511	13/04/2026	98	153,500	-1.24%	21.50	6,830	20.7%	7.19	35.16	35.60	35.60
CVHM2518	4/05/2026	119	52,600	1.69%	91.00	5,480	20.4%	5.40	134.84	132.60	132.60
CVHM2519	25/05/2026	140	15,800	8.31%	108.20	5,060	19.6%	4.05	143.62	132.60	132.60
CVIC2515	16/10/2026	284	66,400	12.34%	122.50	17,990	19.1%	14.33	194.46	173.10	173.10
CVRE2527	26/05/2026	141	123,900	8.09%	35.60	1,440	18.0%	1.81	38.48	35.60	35.60
CVRE2516	23/06/2026	169	343,100	3.43%	26.00	5,410	17.9%	5.25	36.82	35.60	35.60
CVRE2512	20/05/2026	135	641,200	1.57%	23.50	6,330	17.4%	6.29	36.16	35.60	35.60
CVRE2524	25/06/2026	171	499,400	13.84%	35.89	1,160	17.2%	0.97	40.53	35.60	35.60
CVHM2516	23/06/2026	169	25,100	4.22%	79.00	14,800	17.0%	13.85	138.20	132.60	132.60
CVRE2523	25/03/2026	79	299,600	9.55%	35.00	1,000	16.3%	0.74	39.00	35.60	35.60
CVRE2520	23/06/2026	169	20,100	10.39%	32.70	2,200	15.8%	1.85	39.30	35.60	35.60
CVHM2520	23/07/2026	199	1,400	13.54%	111.90	7,730	15.7%	5.49	150.55	132.60	132.60
CVHM2523	16/10/2026	284	5,500	33.33%	140.00	4,600	15.3%	1.88	176.80	132.60	132.60
CMBB2507	5/02/2026	31	13,500	4.79%	18.00	5,710	14.9%	4.95	26.57	25.35	25.35

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 05/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVPB2529 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 42.86%. CSTB2521 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.55%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CFPT2503, CVPB2524, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	132.60	6.94%	8.20	4.11
VIC	173.10	2.06%	5.98	7.73
GAS	77.40	6.91%	2.80	2.41
VPL	100.00	6.16%	2.40	1.79
VRE	35.60	5.79%	1.02	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	108.60	9.92%	1.26	0.20
PVS	35.50	3.50%	0.37	0.51
PVI	95.00	2.15%	0.28	0.23
KSF	67.00	0.75%	0.26	0.90
BAB	12.50	2.46%	0.18	1.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	132.60	6.94%	8.43	10.16
DGW	41.70	6.92%	0.14	4.13
GAS	77.40	6.91%	2.88	5.40
FUEABVNI	11.55	6.85%	0.01	0.00
TNT	9.24	6.70%	0.01	0.20

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NFC	60.80	9.95%	0.40	0.00
KSV	108.60	9.92%	8.98	0.05
VMS	27.80	9.88%	0.10	0.00
NSH	4.90	8.89%	0.04	0.30
VTJ	4.00	8.11%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	27.90	-2.62%	-1.26	7.93
GEE	229.00	-6.72%	-1.22	0.37
LPB	40.50	-3.11%	-0.82	2.99
HPG	25.95	-1.70%	-0.73	7.68
VCB	57.10	-0.70%	-0.72	8.36

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	19.40	-5.83%	-0.59	0.90
MBS	25.10	-3.46%	-0.33	0.66
NVB	13.40	-1.47%	-0.22	1.92
NTP	63.90	-3.03%	-0.19	0.17
PTI	31.00	-8.82%	-0.19	0.12

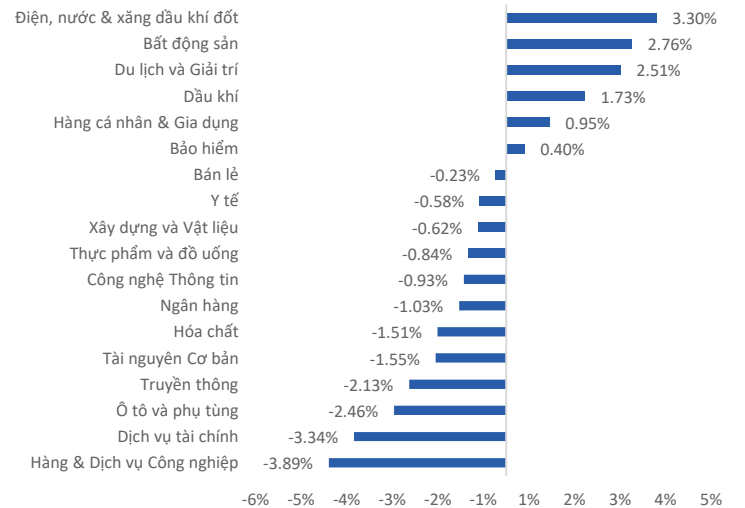
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTB	20.10	-6.94%	0.00	0.03
CTS	30.85	-6.94%	-0.10	1.61
HID	5.85	-6.85%	-0.01	1.13
GEE	229.00	-6.72%	-1.26	0.84
VIX	21.00	-6.67%	-0.48	81.56

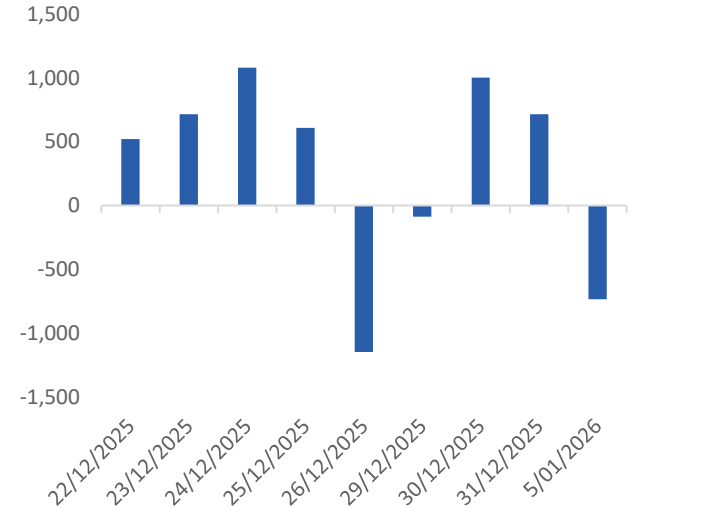
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	7.00	-9.09%	-0.03	1.33
TSB	25.30	-8.99%	-0.06	0.01
PTI	31.00	-8.82%	-1.37	0.00
V12	10.80	-8.47%	-0.04	0.00
VCC	9.10	-8.08%	-0.07	0.42

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	87.4	-1.1%	1.2	129,812	609.3	3,957	22.3	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	34.7	-1.8%	1.4	33,291	85.3	1,872	18.9	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	31.9	1.3%	1.3	35,350	198.8	857	36.7	39,900	28.3%	Link
PDR	Bất động sản	18.7	-0.5%	1.8	18,759	211.0	211	89.1	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	132.6	6.9%	1.1	509,319	1326.2	6,133	20.2	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.0	-0.8%	0.6	163,196	674.8	5,280	18.1	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.3	0.9%	0.0	80,618	273.9	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	35.5	3.5%	1.5	17,542	434.1	2,841	12.1	42,800	14.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.8	-2.9%	1.3	24,191	200.9	1,341	16.7		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	29.2	-3.6%	1.3	75,356	937.3	1,857	16.3		33.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.0	-3.8%	1.2	30,009	359.5	1,577	22.4		17.2%	
DCM	Hóa chất	33.4	2.0%	1.3	17,311	78.8	3,578	9.1	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	65.5	-4.4%	1.1	26,015	431.6	8,296	8.3	109,300	6.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.0%	0.8	123,280	219.2	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.5	-1.2%	0.8	273,131	149.5	3,781	10.3	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.5	-0.7%	1.2	277,668	383.8	4,292	8.3	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.0	-2.5%	1.2	148,657	786.2	3,018	9.8	34,400	23.4%	Link
MBB	Ngân hàng	25.4	0.2%	1.1	203,791	1059.9	3,017	8.4	29,300	21.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	-0.8%	1.0	38,688	73.0	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	57.9	-0.2%	1.1	109,343	1044.0	6,519	8.9		15.1%	
TCB	Ngân hàng	35.0	0.1%	1.1	247,310	425.1	3,111	11.2	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.6	-2.9%	1.2	47,436	169.9	2,358	7.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	-0.7%	0.8	480,451	206.7	4,202	13.7	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.7	-0.3%	0.9	60,421	75.7	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.9	-2.6%	1.3	227,307	601.9	2,603	11.0	35,650	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.0	-1.7%	1.2	202,632	1561.5	1,876	14.1	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	-1.9%	1.5	9,780	38.0	1,178	13.4	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.5	-2.0%	1.1	10,411	203.8	4,150	6.5	28,800	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.8	-0.3%	1.3	111,335	337.0	2,196	35.1	98,300	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.3	-1.5%	0.5	127,905	171.7	4,160	14.7	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.7	6.92%	1.3	8,626	170.0	2,410	16.2	21.5%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	153.1	2.41%	0.7	25,460	95.8	3,620	41.3	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.3	0.88%	1.0	42,164	34.8	3,578	15.9	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.3	3.28%	1.6	13,340	190.1	521	32.2	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.0	-0.58%	1.6	19,022	151.3	398	42.9	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	22.3	-1.98%	1.6	4,534	64.4	2,445	9.3	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.1	-4.40%	1.5	10,100	88.1	938	29.1	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.0	-1.10%	1.5	13,814	31.3	4,849	7.5	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.1	1.97%	1.4	14,771	66.0	2,202	13.8	44.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.0	-1.14%	1.0	12,735	8.4	5,474	9.6	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.1	-0.17%	1.2	5,247	15.6	1,763	16.5	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	17.9	-2.19%	1.7	16,692	132.3	801	22.9	12.1%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	173.1	2.06%	1.0	1,306,943	1161.9	1,147	147.8	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	35.6	5.79%	1.2	76,464	479.3	2,144	15.7	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	34.9	-2.11%	1.2	7,538	10.0	1,848	19.3	38.3%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	36.3	2.83%	0.9	44,852	222.5	2,090	16.9	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	29.1	2.65%	1.1	15,759	414.4	1,602	17.7	10.6%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	31.8	-3.49%	1.3	11,417	56.2	1,262	26.1	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	25.1	-3.46%	1.7	17,126	119.7	1,660	15.7	3.0%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	77.4	6.91%	1.0	174,698	412.9	5,014	14.4	2.0%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	-0.39%	1.2	38,962	151.6	679	18.7	4.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.8	-0.33%	0.6	33,041	45.7	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	207.5	-0.72%	0.8	123,647	406.3	2,897	72.2	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.0	-5.96%	1.8	39,345	512.4	2,313	18.9	8.7%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.6	-0.66%	1.2	26,016	151.7	3,496	17.5	41.5%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.8	-1.53%	0.9	9,912	81.6	6,185	9.5	7.3%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.8	2.17%	1.0	8,647	71.7	2,090	8.8	9.8%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.5	-2.33%	0.0	12,032	35.4	3,139	31.5	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	98.5	1.55%	1.1	33,091	63.7	6,912	14.0	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.6	0.00%	0.9	2,980	31.6	2,535	10.5	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.8	-2.20%	1.5	2,343	6.2	2,859	6.4	16.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.5	1.12%	1.2	15,128	106.7	1,212	18.4	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	25.8	-1.72%	1.3	104,800	36.8	1,569	16.7	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.0	-1.64%	1.1	39,676	152.9	1,635	13.0	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	40.5	-3.11%	0.4	124,868	169.7	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-0.70%	0.0	24,534	19.0	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	11.8	-1.67%	0.8	31,823	29.9	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.6	-2.02%	1.4	6,646	71.2	571	26.0	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.4	-1.36%	1.2	6,843	47.4	2,829	9.1	4.2%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.9	-1.47%	0.5	11,386	87.8	1,715	21.8	3.5%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.1	-1.84%	0.5	62,846	78.9	3,373	14.5	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.5	-1.07%	1.0	12,592	26.5	6,944	8.1	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.5	-0.29%	0.2	14,326	19.7	14,639	12.0	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.6	-1.84%	1.2	8,094	47.8	6,245	12.2	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.3	-2.34%	1.1	9,757	21.3	5,128	16.6	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	37.5	-0.13%	1.4	3,780	26.8	3,037	12.4	5.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	-4.94%	1.3	7,195	76.2	1,104	11.9	10.4%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.9	1.55%	1.0	9,274	93.9	1,377	16.4	12.5%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.2	-1.99%	1.0	14,610	98.6	6,148	3.7	4.4%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.5	-0.84%	1.4	18,763	30.2	3,090	13.5	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

 Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>